



**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51 /BC-TTTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình giá cả nông sản

Kỳ báo cáo: Tuần từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 27 tháng 6 năm 2022

I. NHÓM SẢN PHẨM CHỦ LỰC VÀ TIỀM NĂNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ

1. Nhóm sản phẩm cây trồng chủ lực

a) Rau củ quả:

Sản lượng rau, củ quả bình quân trong tuần tại các chợ đầu mối là 3.560 tấn, so với tuần trước (3.756 tấn) giảm 5,2%¹. Trong đó: lượng rau, củ quả của chợ đầu mối Bình Điền 591 tấn, chợ đầu mối Thủ Đức 1.391 tấn và chợ đầu mối Hóc Môn 1.578 tấn.

Giá rau, củ quả tại chợ đầu mối Hóc Môn: giá rau muống nước 7.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; rau muống hạt 10.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; cải xanh 20.000 đồng/kg, giá ổn định; bầu 9.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; bí đao 9.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; khổ qua 16.000 đồng/kg, giá ổn định; dưa leo 13.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg so với tuần trước.

b) Hoa lan:

Giá hoa lan trong tuần tại vườn: Mokara đỏ lá quật, Mokara pink hồng, Mokara vàng mai, vàng chanh giá dao động 5.500 đến 9.000 đồng/cành; Ren Red 10.000 đồng/cành giá ổn định so với tuần trước; giá lan hồ điệp 175.000 đồng/cành. Giá chậu Dendrobium loại trắng tím 120.000 đồng/10 bông/chậu, giá ổn định so với tuần trước.

Giá bán tại chợ sỉ và shop hoa lan từ 6.500 đến 9.700 đồng/cành Mokara đỏ lá quật, Mokara pink hồng, Mokara vàng mai, vàng chanh; Ren Red 10.500 đồng/cành và giá lan hồ điệp từ 190.000 đến 220.000 đồng/cành và giá chậu Dendrobium loại trắng tím từ 215.000 đến 225.000 đồng/10 bông/chậu giá ổn định so với tuần trước.

2. Nhóm sản phẩm chăn nuôi chủ lực

a) Giá bò sữa giống:

¹ Nhóm rau, củ quả: sản lượng giảm 5,2% sản lượng về giảm do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều, (giá rau, củ quả tăng bình quân 3,3%, so với tuần trước), giá tại các chợ truyền thống và Siêu thị ổn định so với tuần trước

- Giá bò sữa giống loại (200 đến 250 kg) giá dao động từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

b) Bò sữa:

- Công ty sữa Vinamilk và Công ty Friesland Campina Việt Nam thu mua sữa tại các khu vực, giá bán sữa được căn cứ theo hợp đồng (giá cam kết theo 1 năm 2022) luôn ở mức ổn định

c) Heo:

- Sản lượng thịt heo bình quân trong tuần là 523 tấn, so với tuần trước (527 tấn) giảm 0,7%.² Trong đó: sản lượng thịt heo chợ đầu mối Bình Điền 191 tấn, chợ đầu mối Hóc Môn 332 tấn.

- Giá cả một số sản phẩm thịt heo tại Công Ty Cổ Phần C.P như sau:

+ Giá heo hơi dao động từ 58.000 đồng/kg đến 55.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

+ Giá heo mảnh dao động từ 67.000 đồng/kg đến 73.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

+ Giá đùi rọ 65.000 đồng/kg, sườn non 130.000 đồng/kg, cốt lết 69.000 đồng/kg, nạc dăm 85.000 đồng/kg, giá ổn định; giò trước 65.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; giò sau 59.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; giá ba rọi 105.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo tại các trại chăn nuôi, hộ dân như sau:

+ Giá heo hơi dao động từ 55.000 đồng/kg đến 58.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

+ Giá heo giống loại (20 kg) giá 2.400.000 đồng/con, giá tăng 5.000 đồng/kg so với tuần trước.

3. Nhóm sản phẩm thủy sản chủ lực

a) Tôm nước lợ:

Sản lượng nhập về chợ đầu mối Bình Điền bình quân trong tuần: (957 tấn: tổng sản lượng thủy sản các loại), so với tuần trước (943 tấn) tăng 1,5%,³ giá tôm sú 310.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg; tôm thẻ 250.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

b) Cá cảnh:

Thị trường cá cảnh, cá Koi tại trại (25-30cm) giá 405.000 đồng/con, cá Dĩa (10-12cm) 250.000 đồng/con, cá Ba đuôi loại thường (10cm) giá 40.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

² Nhóm thịt gia súc: giảm 0,7% sức mua giảm, giá thành ổn định

³ Nhóm thủy hải sản: tăng 1,5% thời tiết thuận lợi, (giá giảm bình quân 0,7%, so với tuần trước)

Giá tại các cửa hàng cá Koi (25-30 cm) giá 460.000 đồng/con, cá Dĩa (10-12cm) giá 300.000 đồng/con, cá Ba đuôi loại thường (10cm) giá 80.000 đồng/con giá ổn định so với tuần trước.

II. NHÓM SẢN PHẨM KHÁC

1. Thủy sản

Giá mực tại chợ đầu mối Bình Điền như sau: mực ống 250.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg; mực lá 250.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg so với tuần trước.

2. Gia cầm

Sản lượng thịt gia cầm về chợ đầu mối Bình Điền: 9 tấn, so với tuần trước (9,8 tấn), giảm 8,2%, giá gà công nghiệp nguyên con 45.000 đồng/con và giá vịt nguyên con 62.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

3. Trái cây

Sản lượng trái cây bình quân trong tuần tại các chợ đầu mối là 2.009 tấn, so với tuần trước (2.015 tấn) giảm 0,3%⁴. Trong đó: chợ đầu mối Bình Điền 417 tấn, chợ đầu mối Hóc Môn 434 tấn và chợ đầu mối Thủ Đức 1.158 tấn.

Giá tại chợ đầu mối Thủ Đức: cam sành 15.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; quýt đường 42.000 đồng/kg, tăng 2.000 đồng/kg; bưởi năm roi 27.000 đồng/kg, giảm 3.000 đồng/kg; bưởi da xanh 38.000 đồng/kg, giá ổn định; xoài cát Hòa Lộc 63.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; giá dưa hấu 13.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg so với tuần trước.

4. Vật tư nông nghiệp – thức ăn heo, bò sữa

Các mặt hàng như: hạt giống, thức ăn hỗn hợp cho heo, thức ăn cho bò sữa và giá phân bón ổn định so với tuần trước. /

(Đính kèm phụ lục giá cả cụ thể từng mặt hàng chủ lực trong tuần)

Nơi nhận:

- BGĐ Sở (để b/c);
- CCQLCLNLS-TS tỉnh Lâm Đồng;
- VP Sở, P.KHCN, P.KHTC;
- TTKN;
- BGĐ TTTV;
- P.NCTT;
- Lưu: VT, TTD.(09)

GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Hợp

⁴ Nhóm trái cây: giảm 0,3%, do sản lượng về thấp, (giá giảm bình quân 0,7%, so với tuần trước)

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ CÁC NGÀNH HÀNG CHỦ LỰC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRONG TUẦN TỪ NGÀY 20/6 - 27/6/2022

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-TTTV ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp)

1. Nhóm rau, củ quả:

a) So sánh giá rau, củ quả không theo tiêu chuẩn VietGAP (đơn vị: đồng/kg):

Stt	Tên mặt hàng	Chợ đầu mối Hóc Môn		Chợ đầu mối Thủ Đức		Chợ Hoàng Hoa Thám	
		(giá bán sỉ)		(giá bán sỉ)		(giá bán lẻ)	
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
1	Rau muống nước	6.000	7.000	6.000	6.000	12.000	13.000
2	Rau muống hạt	9.000	10.000	9.000	10.000	20.000	20.000
3	Cải xanh	20.000	20.000	21.000	18.000	30.000	30.000
4	Bầu	8.000	9.000	9.000	10.000	25.000	26.000
5	Bí đao	10.000	9.000	8.000	8.000	25.000	25.000
6	Khổ qua	16.000	16.000	16.000	16.000	30.000	30.000
7	Dưa leo	14.000	13.000	11.000	12.000	30.000	30.000

b) So sánh giá rau, củ quả theo tiêu chuẩn VietGAP (đơn vị: đồng/kg):

Stt	Tên mặt hàng	Tại vườn		Hợp tác xã		Siêu thị Coopmart	
		(giá bán sỉ)		(giá bán sỉ)		(giá bán lẻ)	
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
1	Rau muống nước	7.000	8.000	8.000	9.000	23.800	23.800
2	Rau muống hạt	8.500	8.500	16.000	17.000	28.900	28.900
3	Cải xanh	11.000	11.000	19.000	20.000	36.900	36.900
4	Bầu	11.000	11.000	15.000	15.000	19.000	19.000
5	Bí đao	12.000	11.000	16.000	16.000	19.200	19.200
6	Khổ qua	15.000	15.000	22.000	21.000	32.500	31.500
7	Dưa leo	13.000	13.000	15.000	16.000	27.200	26.500

2. Nhóm trái cây (đơn vị: đồng/kg):

Stt	Tên mặt hàng	Chợ đầu mối Thủ Đức		Chợ Hoàng Hoa Thám		Siêu thị Coopmart	
		(giá bán sỉ)		(giá bán lẻ)		(giá bán lẻ)	
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
1	Cam sành	16.000	15.000	40.000	40.000	32.900	32.900
2	Quýt đường	40.000	42.000	60.000	60.000	61.900	61.900
3	Bưởi Năm Roi	30.000	27.000	38.000	40.000	36.500	36.500
4	Bưởi da xanh	38.000	38.000	45.000	45.000	49.900	49.900
5	Xoài cát Hòa Lộc	64.000	63.000	97.000	95.000	72.500	72.500
6	Dưa hấu	12.000	13.000	15.000	17.000	16.300	16.300

3. Hoa lan (đơn vị: đồng):

Stt	Mặt hàng-Quy cách phẩm chất	Giá bán tại vườn		Giá bán tại chợ Đầm Sen		Giá bán tại Shop, chợ Hồ Thị Kỷ	
		(giá sỉ)		(giá sỉ)		(giá lẻ)	
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
Nhóm Mokara							
1	Mokara đỏ lá quật (42 cm/cành)	5.500	5.500	6.500	6.500	7.000	7.000
2	Mokara pink hồng (42 cm/cành)	6.000	6.000	7.200	7.200	8.000	8.000
3	Mokara vàng mai (42 cm/cành)	7.000	7.000	8.200	8.200	8.500	8.500
4	Mokara vàng chanh (55 cm/cành)	9.000	9.000	9.300	9.300	9.700	9.700
5	Mokara ren red (50 - 55 cm/cành)	10.000	10.000	9.000	9.000	10.500	10.500
6	Dendrobium vàng chanh - trắng tím (50 - 55 cm/cành)	7.500	7.500	6.000	6.000	7.000	7.000
7	Dendrobium vàng đậm (50 - 55 cm/cành)	6.200	6.200	6.200	6.200	8.200	8.200
Nhóm Dendrobium							
1	Dendrobium trắng tím (10 bông/chậu)	120.000	120.000	210.000	210.000	225.000	225.000
Nhóm Lan Hồ Điệp							
1	Hồ Điệp trắng tím (50 - 55 cm/cành)	175.000	175.000	190.000	190.000	220.000	220.000

4. Nhóm thủy hải sản, súc sản và gia cầm (đơn vị: đồng/kg):

Stt	Tên mặt hàng	Chợ đầu mối Bình Điền (giá bán sỉ)		Siêu thị Coopmart (giá bán lẻ)		Chợ Hoàng Hoa Thám (giá bán lẻ)	
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
1. Nhóm thủy hải sản							
a	Tôm sú (F)	320.000	310.000	335.000	338.000	290.000	300.000
b	Tôm thẻ (F)	250.000	250.000	199.000	200.000	260.000	265.000
c	Mực ống (F)	240.000	250.000	338.000	339.000	320.000	320.000
d	Mực lá (F)	260.000	250.000	267.000	270.000	260.000	275.000

2. Lươn		Chợ đầu mối Bình Điền (giá bán sỉ)		Chợ Hoàng Hoa Thám (giá bán lẻ)			
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022		
a	Lươn lớn	180.000	180.000	230.000	250.000		
b	Lươn nhỏ	110.000	110.000	180.000	180.000		
3. Nhóm gia súc		Chợ đầu mối Hóc Môn (giá bán sỉ)		Siêu thị Coopmart (giá bán lẻ)		Chợ Hoàng Hoa Thám (giá bán lẻ)	
Mật hàng thịt heo chủ yếu		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
1	Heo mảnh loại 1	73.000	73.000				
2	Heo mảnh loại 2	67.000	67.000				
3	Đùi rọ	65.000	65.000	110.000	110.000	100.000	100.000
4	Sườn non	130.000	130.000	204.000	255.000	170.000	180.000
5	Cổt lết	69.000	69.000	125.000	125.000	120.000	120.000
6	Nạc dăm	85.000	85.000	155.000	171.000	135.000	140.000
7	Giò trước	64.000	65.000	115.000	115.000	115.000	115.000
8	Giò sau	60.000	59.000	110.000	110.000	100.000	100.000
9	Ba rọi	105.000	105.000	148.000	185.000	180.000	180.000
Heo hơi (120 kg)		Tại Công Ty CP		Tại trại			
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022		
1	Giá trung bình	56.500	56.500	56.500	56.500		
2	Giá cao nhất	58.000	58.000	58.000	58.000		
3	Giá thấp nhất	55.000	55.000	55.000	55.000		
Heo giống (20 kg)				2.300.000	2.400.000		
Thịt bò		Chợ Hoàng Hoa Thám (giá bán lẻ)		Siêu thị Coopmart (giá bán lẻ)			
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022		
1	Bò Bắp	300.000	300.000	305.000	315.000		
2	Đùi bò	280.000	280.000	280.000	282.000		
3	Thăn nội	300.000	300.000	330.000	330.000		
4	Thăn ngoại	350.000	350.000	415.000	450.000		
4. Nhóm gia cầm		Chợ Bình Điền (giá bán sỉ)		Chợ Hoàng Hoa Thám (giá bán lẻ)			
		20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022		
1	Gà công nghiệp nguyên con	45.000	45.000	75.000	75.000		
2	Vịt nguyên con	62.000	62.000	95.000	95.000		

5. Cá cảnh (đơn vị: đồng):

Stt	Mặt hàng - Quy cách phẩm chất	ĐVT	Giá bán tại trại		Giá bán tại cửa hàng	
			20/6/2022	27/6/2022	20/6/2022	27/6/2022
1	Cá koi (25 -30 cm)	con	405.000	405.000	460.000	460.000
2	Cá đĩa (10 -12 cm)	con	250.000	250.000	300.000	300.000
3	Cá 3 đuôi thường (10 cm)	con	40.000	40.000	80.000	80.000
4	Cá ông tiên (5 -6cm)	con	12.000	12.000	15.000	15.000
5	Cá neon (3cm)	con	15.000	15.000	10.000	10.000
6	Cá bình tích (3 -5cm)	con	4.500	4.500	6.000	6.000
7	Cá hồng kim (3 -5 cm)	con	2.500	2.500	3.500	3.500
8	Cá bảy màu thường (3 -5cm)	con	1.000	1.000	2.500	2.500

6. Nhóm vật tư nông nghiệp - thuốc BVTV - thức ăn heo, bò:**a) Phân bón:**

Stt	Mặt hàng - Quy cách phẩm chất	ĐVT	Giá ngày (đồng)	
			20/6/2022	27/6/2022
1	Phân Urea Phú Mỹ (50kg)	bao	1.050.000	1.050.000
2	NPK 20.20.15 (50kg)	bao	1.120.000	1.120.000
3	NPK 20.20.15 TE (50kg)	bao	1.150.000	1.150.000
4	NPK 14.86 (50kg)	bao	900.000	900.000
5	Cò vàng 20. 2015 (50kg)	bao	1.170.000	1.170.000
6	NPK Việt Nhật (50kg)	bao	880.000	880.000
7	NPK Philippin (50kg)	bao	870.000	870.000
8	DAP Philippin (50kg)	bao	1.700.000	1.700.000
9	VeDan (50kg)	bao	350.000	350.000
10	Super lân Lâm Thao (50kg)	bao	290.000	290.000
11	Super lân Long Thành (50kg)	bao	280.000	280.000
12	Đầu trâu đa năng (25kg)	bao	520.000	520.000
13	Diêm xanh nhập (25kg)	bao	700.000	700.000
14	Kali Phú Mỹ (50kg)	bao	1.050.000	1.050.000

b) Hạt giống:

Stt	Mặt hàng - Quy cách phẩm chất	ĐVT (đ/gói)	Giá ngày (đồng)	
			20/6/2022	27/6/2022
1	Cải Bẹ Xanh Mỡ (50g)	gói	20.000	20.000
2	Cải Ngọt (Số 4) – (50g)	gói	22.000	22.000
3	Bầu Lai F1 (10g)	gói	55.000	55.000

4	Ngô ri (100g)	gói	30.000	30.000
5	Tần ô (100g)	gói	40.000	40.000
6	Bí Đào Chanh lai F1 (VR 68)	gói	46.000	46.000
7	Khô Qua Lai F1 (Anova 27)	gói	48.000	48.000
8	Bí Đỏ Lai F1 (Plato 757) – (200g)	gói	95.000	95.000
9	Rau muống (1kg)	gói	85.000	85.000
10	Xà lách (100g)	gói	155.000	155.000

c) Thức ăn heo:

Stt	Mặt hàng - Quy cách phẩm chất	ĐVT	Giá ngày (đồng)	
			20/6/2022	27/6/2022
1. Tinh heo				
1	Tinh heo CP (liều)	Liều	60.000	60.000
2. Thức ăn hỗn hợp				
1	Từ 15kg đến 30 kg (CP)	bao	325.000	325.000
2	Từ 30 kg đến 60 kg (CP)	bao	320.500	320.500
3	Từ 15kg đến 30 kg (NUPAK)	bao	318.000	318.000
4	Từ 30 kg đến 60 kg (NUPAK)	bao	310.000	310.000
5	Từ 61 kg đến xuất chuồng (NUPAK)	bao	303.000	303.000

3. Nguyên liệu		ĐVT	20/6/2022	27/6/2022
1	Bắp nhuyễn	kg	11.200	11.200
2	Tấm nhuyễn	kg	8.500	8.500
3	Cám gạo	kg	7.800	7.800

d) Thức ăn Bò sữa:

Stt	Mặt hàng - Quy cách phẩm chất	ĐVT	Giá ngày (đồng)	
			20/6/2022	27/6/2022
1	Thức ăn hỗn hợp Proconco (25kg)	bao	265.500	265.500
2	Hèm bia (35kg)	bao	281.000	281.000
3	Xác mì (20kg)	bao	51.000	51.000
4	Rơm khô	kg	3.000	4.000
5	Rơm ủ chua	kg	1.300	2.300
6	Cỏ sữa (cỏ nước, cỏ ống, bắc, rau trai, long phụng...)	kg	900	1.000

6. Giá bò sữa giống tại thành phố:

Stt	Giá bò giống	ĐVT	Giá ngày (đồng)	
			20/6/2022	27/6/2022
1	Loại từ 200 đến 250	kg		20.000.000 - 25.000.000

6.1 Sữa:

- Giá thu mua sữa tại thành phố:

Stt	Khu vực	ĐVT	Giá ngày (đồng)	
			20/6/2022	27/6/2022
1	Vinamilk	lít	11.000 – 15.000	11.000 – 15.500
2	Friesland - Campina	lít	13.500	13.500

Điểm tham khảo giá:

- 1) Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn, huyện Hóc Môn.
- 2) Chợ đầu mối Nông sản Bình Điền, Quận 8.
- 3) Chợ đầu mối Nông sản Thủ Đức, TP Thủ Đức.
- 4) Rau ăn lá, củ quả tại HTX huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn.
- 5) Rau ăn lá, củ quả tại vườn huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn.
- 6) Giá bán lẻ chợ truyền thống Hoàng Hoa Thám, quận Tân Bình, Chợ Gò Vấp, quận Gò Vấp, Chợ Tân Phú Trung, huyện Củ Chi.
- 7) Siêu thị Coopmart, Cống Quỳnh, Q1.
- 8) Hoa lan tại Vườn lan Mỹ Trinh, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi; Chợ hoa Đầm Sen, Quận 11, Chợ hoa Hồ Thị Kỷ, Shop hoa lan Hùng Sang, Quận 10.
- 9) Cá cảnh tại trại cá cảnh Xuân Cường, ấp 1, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh; (Cửa hàng cá kiểng tại Quận Gò Vấp).
- 10) Heo giống, heo hơi, heo nái tại Đại lý TAGS NUPAK Nguyễn Thị Châu - ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn; HTX heo an toàn Tiên Phong tại huyện Củ Chi.
- 11) Giá Phân bón tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp tại huyện Củ Chi.
- 12) Báo giá bò giống (tại hộ chăn nuôi, HTX, Cty Bò sữa, huyện Củ Chi)
- 13) Báo giá sữa tươi (hộ chăn nuôi, HTX bò sữa các xã, huyện Củ Chi)